

Bản Thông Tin An Toàn

Suma Delime EP D5.7

Chỉnh sửa: 2025-02-01

Phiên bản: 01.0

PHẦN 1: Xác định các chất / pha chế và công ty / cam

1.1 Nhận diện sản phẩm

Tên thương mại: Suma Delime EP D5.7

1.2 Khuyến cáo cách sử dụng và hạn chế sử dụng

Xem nhãn sản phẩm.

1.3 Chi tiết của đơn vị cung cấp Bản Thông Tin An Toàn

CÔNG TY TNHH SOLENIS VIỆT NAM

Chi tiết liên hệ

Tầng 4&5, Tòa nhà M-Building, Lô C7B-02A, Số 09, Đường số 8, Khu A, Khu Đô Thị Mới Nam Thành phố, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel. 0314996293

1.4 Số điện thoại liên hệ khẩn cấp

Trong trường hợp cấp cứu y tế, vui lòng xem các chỉ dẫn y tế chuyên nghiệp sau

PHẦN 2: Thành phần / Thông tin về các thành phần

2.1 Các chất / Hợp chất

PHẦN 3: Xác định các nguy hại

3.1 Phân loại về các chất hoặc hợp chất

3.2 Nhãn

3.3 Các cảnh báo nguy hiểm khác

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cấp cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cấp cứu

4.2 Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, tức thời và sau đó

PHẦN 5: Các biện pháp chữa cháy

5.1 Phương tiện chữa cháy

5.2 Các mối nguy đặc biệt từ các chất hoặc hợp chất

5.3 Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

PHẦN 6: Các biện pháp xử lý tai nạn

6.1 Bảo vệ cá nhân, thiết bị bảo hộ và qui trình cấp cứu

6.2 Lưu ý về môi trường

6.3 Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và vệ sinh

PHẦN 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Lưu ý để vận chuyển an toàn

7.2 Các điều kiện lưu trữ an toàn, gồm cả các hóa chất kỵ nhau

7.3 Người dùng

PHẦN 8: Kiểm soát thải bỏ / Bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

8.2 Kiểm soát sự phơi sáng

PHẦN 9: Các đặc tính lý hóa

9.1 Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản

Màu: Chưa xác định
Mùi: Chưa xác định
Ngưỡng phát hiện mùi: Không áp dụng
pH:
Điểm tan chảy/Điểm đóng băng (°C): Chưa xác định
Điểm sôi ban đầu và mức sôi (°C):
Khả năng cháy (lỏng): Chưa xác định.
Điểm sáng (°C): Không áp dụng
Sự cháy: Không áp dụng
(Tiêu chí và Kiểm tra bằng tay UN, phần 32, L.2)
Tốc Độ Bay Hơi: Chưa xác định
Khả năng cháy (rắn, khí): Chưa xác định
Giới hạn nổ/giới hạn cháy dưới và trên (%): Chưa xác định
Áp suất hơi: Chưa xác định
Tỉ trọng liên quan: Chưa xác định
Tỷ khối hơi tương đối: Chưa xác định.
Đặc điểm của hạt: Không có dữ liệu.
Hòa tan trong / Trộn lẫn với nước: Chưa xác định
Hệ số phân tách: n-octanol / nước Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy: Chưa xác định
Nhiệt độ phân hủy: Không áp dụng
Độ nhớt động học: Chưa xác định
Các đặc tính nổ:
Các đặc điểm oxy hóa:

Phương pháp / lưu ý

Không liên quan đến phân loại của sản phẩm này

Không áp dụng cho chất lỏng.

9.2 Thông tin khác

Sức căng bề mặt (N/m): Chưa xác định
Ăn mòn kim loại: Chưa xác định

PHẦN 10: Ổn định và phản ứng

- 10.1 Phản ứng
 10.2 Độ ổn định của hóa chất
 10.3 Khả năng các phản ứng hóa học nguy hiểm
 10.4 Các điều kiện cần tránh
 10.5 Các vật liệu kỵ nhau
 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

PHẦN 11: Thông tin về độc tố

- 11.1 Thông tin về ảnh hưởng của độc tố

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái học

- 12.1 Độc tố
 12.2 Sự tồn tại và phân hủy
 12.3 Khả năng tích lũy sinh học
 12.4 Tính luân chuyển trong đất
 12.5 Các ảnh hưởng ngược khác

PHẦN 13: Các vấn đề cần xem xét khi thải bỏ

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Đổ hết trong bao bì ra

PHẦN 14: Vận chuyển

Vận chuyển đường bộ, Vận chuyển đường biển (IMDG), Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)

14.1 Số UN:

14.2 Tên vận chuyển đúng UN:

14.3 Phân loại môi nguy vận chuyển:

14.4 Nhóm đóng hàng:

14.5 Môi nguy môi trường:

14.6 Lưu ý đặc biệt cho người sử dụng:

14.7 Vận chuyển với thể tích lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Mã IBC:

PHẦN 15: Thông tin về luật

15.1 Chỉ dẫn / pháp lý về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho các chất và hoặc hợp chất

PHẦN 16: Thông tin khác

Mã SDS: MS4001015

Phiên bản: 01.0

Chỉnh sửa: 2025-02-01

Lý do xem xét lại:

1, Không áp dụng

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn